

Số: /TTr-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ 15.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú;

Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2023.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 22/12/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 75/2022/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú, theo đó lệ phí đăng ký cư trú không còn thuộc thẩm quyền quyết định của Hội

đồng nhân dân tỉnh nên việc bãi bỏ quy định về lệ phí đăng ký cư trú tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND để phù hợp với quy định hiện hành là cần thiết.

Tỷ lệ phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND nộp ngân sách là 30% và để lại đơn vị là 70% (Tỷ lệ phí này thực hiện từ năm 2016 đến nay). Tuy nhiên, theo dõi tình hình quản lý sử dụng phí tại Trung tâm Quản lý Cửa khẩu qua các năm, số phí nộp ngân sách thực tế hằng năm vượt dự toán giao trong năm và số phí năm trước chưa sử dụng hết chuyển sang các năm sau rất lớn. Do đó, thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP, trường hợp số tiền phí được để lại tồn dư sử dụng không hết chuyển nguồn qua các năm, cơ quan có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh tỷ lệ để lại phù hợp.

Việc điều chỉnh tỷ lệ để lại phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu tại Trung tâm Quản lý Cửa khẩu đảm bảo việc thực hiện quản lý sử dụng nguồn phí để lại theo đúng quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách và pháp luật về đầu tư công.

UBND tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND trình Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

1. Mục đích:

Thực hiện sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ quy định về nội dung, mức thu phí, lệ phí, xác định tỷ lệ để lại, nộp ngân sách của đơn vị quản lý, sử dụng phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh phù hợp theo quy định hiện hành của pháp luật phí lệ phí và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2. Quan điểm chỉ đạo:

Nghị quyết xây dựng đảm bảo theo quy định của Nhà nước và Luật Cư trú năm 2020; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 106/2021/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 85/2019/TT-BTC; Thông tư số 75/2022/TT-BTC.

Điều chỉnh, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương cũng như mức độ tự chủ tài chính của đơn vị.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính xây dựng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND.

Trong quá trình soạn thảo, dự thảo Nghị quyết đã được lấy ý kiến các Sở, Ban ngành, địa phương, đơn vị có liên quan và đã được đăng tải trên cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Trị để lấy ý kiến rộng rãi đối với các đối tượng chịu tác động của các quy định trong Nghị quyết; ý kiến tham gia của UBMTTQ Việt Nam tỉnh, được Sở Tư pháp thẩm định theo quy định. Căn cứ ý kiến tham gia, đóng góp; cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

Dự thảo Nghị quyết xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, rà soát các nội dung quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND, bãi bỏ lệ phí đăng ký cư trú theo Thông tư số 75/2022/TT-BTC, đồng thời sửa đổi, bổ sung đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm các loại phí theo đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương, bổ sung nội dung thu phí và điều chỉnh tỷ lệ để lại của phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu đảm bảo theo quy định của pháp luật về phí lệ phí và pháp luật khác có liên quan và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Cụ thể như sau:

1. Bãi bỏ lệ phí đăng ký cư trú: Theo quy định tại Thông tư số 75/2022/TT-BTC, lệ phí đăng ký cư trú không còn thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Về sửa đổi, bổ sung chính sách miễn, giảm:

- Bổ sung đối tượng người có công với cách mạng được miễn phí tham quan di tích lịch sử; bổ sung đối tượng người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và trẻ em là người dưới 16 tuổi được miễn phí thư viện (theo đề nghị của Cục Thuế tỉnh tại Báo cáo số 11/BC-CTQTR ngày 12/01/2023, đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 280/SGDDĐT-KHTC ngày 13/02/2023 và ý kiến của Sở Văn hóa Thể thao du lịch tại Công văn số 175/SVHTTDL-VP ngày 14/02/2023).

Việc bổ sung chính sách ưu đãi của địa phương đối với người có công với cách mạng, cụ thể là miễn phí tham quan di tích lịch sử, phí thư viện (ngoài các chính sách ưu đãi chủ yếu theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020) phù hợp với nguyên tắc thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng quy định tại khoản 1 Điều 6 của Pháp lệnh như sau: *“Chăm lo sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng là trách nhiệm của Nhà nước và xã hội. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân quan tâm, giúp đỡ và thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.”*

Việc bổ sung đối tượng người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và trẻ em được miễn phí thư viện nhằm khuyến khích các độc giả tham gia để phát triển văn hóa đọc, đặc biệt là đối tượng trẻ em, việc đọc sách góp phần quan trọng trong việc xây dựng nhân cách để hướng đến phát triển toàn diện¹.

¹ Tham khảo trên toàn quốc có tỉnh Bình Dương quy định mức thu phí thư viện là 0 đồng cho tất cả các cá nhân có nhu cầu (Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương).

- Bổ sung nội dung chính sách miễn phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu đối với các phương tiện: có tải trọng dưới 3,5 tấn của cư dân biên giới vận chuyển hàng là nông, lâm sản (có giấy tờ xác nhận là hàng hóa sản xuất của cư dân biên giới do cơ quan có thẩm quyền cấp); chở hàng hóa quân sự, hàng viện trợ, cứu trợ thiên tai; phương tiện vận tải không có hàng hóa (xe không tải). Các nội dung này trước đây đã được quy định không thu phí tại Phụ lục I về Danh mục, mức thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND. Nay chuyển sang quy định tại Chính sách miễn, giảm để đảm bảo phù hợp về mặt nội dung.

3. Về sửa đổi, bổ sung nội dung thu và mức thu phí:

- Bổ sung nội dung thu và mức thu đối với phương tiện chở hàng tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng, chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan (thuộc phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu):

Xuất phát từ thực tế các phương tiện chở hàng tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng, chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan đi thẳng từ nước ngoài qua lãnh thổ Việt Nam sang nước thứ ba không lưu lại trong nước nên hầu như không phát sinh hoặc phát sinh không nhiều chi phí tăng thêm ảnh hưởng từ nó (chi phí xăng dầu, bốc xếp, vận chuyển, lưu kho bãi..., ăn uống, nghỉ ngơi của lái xe, người áp tải hàng). Bên cạnh đó, hàng hóa kinh doanh theo loại hình này không phát sinh hoặc phát sinh rất ít nguồn thu cho ngân sách nhà nước (hàng tạm nhập - tái xuất không chịu thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu; hàng tạm xuất - tái nhập: không chịu thuế giá trị gia tăng, chịu thuế xuất nhập khẩu trừ trường hợp được miễn). Tuy nhiên, các phương tiện này có qua lại, sử dụng hạ tầng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng các cửa khẩu như phương tiện xuất nhập khẩu. Đây không phải là loại phương tiện khuyến khích qua lại cửa khẩu và đóng góp ít cho địa phương so với phương tiện xuất, nhập khẩu nên đề xuất quy định bổ sung nội dung thu riêng (trước đây, Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND chỉ quy định mức thu chung đối với mọi loại phương tiện qua lại cửa khẩu).

Trên cơ sở thẩm định Đề án thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu kèm theo Tờ trình số 34/TTr-TTQLCK ngày 22/12/2022 của Trung tâm Quản lý Cửa khẩu về việc thẩm định điều chỉnh Đề án thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, dự thảo Nghị quyết đề xuất quy định mức thu đối với phương tiện chở hàng tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng, chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan cao hơn so với mức thu đối với các phương tiện chở hàng xuất nhập khẩu tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND (Mức phí đối với các loại hình xuất nhập khẩu vẫn giữ nguyên như cũ không thay đổi).

Việc tăng mức thu cao hơn so với phương tiện chở hàng xuất nhập khẩu dự kiến không ảnh hưởng lớn đến lượt phương tiện qua lại cửa khẩu. Đối với luồng

hàng quá cảnh, tạm nhập - tái xuất, gửi kho ngoại quan.....do đặc điểm hàng hóa vận chuyển, khoảng cách địa lý, luồng hàng này khó thay đổi tuyến đường nên không thể đi các cửa khẩu khác.

Mức thu đối với phương tiện chở hàng tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng, chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan tại các cửa khẩu quốc tế của Quảng Trị khi xây dựng đã có so sánh với mức thu của các cửa khẩu đường bộ tiếp giáp với Lào. Mức thu của tỉnh Quảng Trị đề xuất tại dự thảo Nghị quyết nằm ở mức giữa, bảo đảm tính thu hút của các cửa khẩu thuộc tỉnh².

Ngoài ra, đề nghị chỉnh sửa lỗi kỹ thuật đánh máy khi ban hành mức thu phí công nhận cây mẹ (thuộc phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống) tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND.³

4. Điều chỉnh tỷ lệ để lại, nộp ngân sách nhà nước của phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu:

- Quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND về tỷ lệ để lại – nộp ngân sách của khoản phí nói trên là 70% - 30%.

- Qua theo dõi, nguồn phí còn lại chưa sử dụng các năm trước chuyển sang còn rất lớn (năm 2019 chuyển sang 2020: 6.177 triệu; năm 2020 chuyển sang năm 2021: 8.703 triệu; 2021 chuyển sang 2022: 15.210 triệu; 2022 chuyển sang 2023: 23.881 triệu – Báo cáo số 106/BC-TTQLCK ngày 20/10/2022). Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật phí, lệ phí, trường hợp số tiền phí được để lại tồn dư sử dụng không hết chuyển nguồn qua các năm, cơ quan có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh tỷ lệ để lại phù hợp

- Ngoài ra, theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 5 Thông tư số 85/TT-BTC và khoản 2 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP, nguồn phí để lại của phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu được chi nội dung liên quan đến việc duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa (tái tạo) công trình hiện có đang sử dụng trực tiếp phục vụ cho hoạt động thu phí, đảm bảo duy trì hoạt động bình thường.

Do đó, cần phải xác định tỷ lệ để lại phù hợp theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và pháp luật khác có liên quan.

- Thực hiện điều chỉnh tỷ lệ để lại như sau: Trên cơ sở dự toán cả năm về phí thu được và dự toán chi phí cần thiết cho hoạt động thu phí cả năm; mức độ tự chủ

² Mức thu xây dựng thấp hơn hoặc bằng mức thu của Cửa khẩu Cha Lo - Quảng Bình (Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình); Cửa khẩu Bờ Y – Kon Tum (Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/8/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum); cao hơn mức thu của khẩu Cầu treo – Hà Tĩnh (Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh).

³ Mức thu đã được Sở Tài chính tham mưu tại Tờ trình số 1198/TTr-STC ngày 7/4/2022 về việc điều chỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị) trình Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (nay là Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND).

của tổ chức thu phí (Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, trong đó Trung tâm Quản lý Cửa khẩu là đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên – chi đầu tư); tình hình quản lý, sử dụng phí từ năm 2020-2022 của Trung tâm Quản lý Cửa khẩu để xác định tỷ lệ để lại theo công thức quy định tại Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP: tỷ lệ để lại 40% - nộp ngân sách 60%. Trong đó, nguồn thu và các khoản chi mang tính chất ổn định, có dự kiến chi phí duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các công trình hiện có đang sử dụng trực tiếp phục vụ cho hoạt động thu phí, chi phí tiền điện....., chưa tính đến nguồn phí từ các năm trước chuyển sang của đơn vị còn rất lớn chưa sử dụng hết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

1. Bố cục:

Nghị quyết gồm 3 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND.

Điều 2. Bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND.

Điều 3. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản:

Dự thảo Nghị quyết xây dựng các nội dung cơ bản sau:

a. Sửa đổi, bổ sung chính sách miễn, giảm đối với phí tham quan di tích lịch sử, phí thư viện, phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu.

b. Quy định sửa đổi, bổ sung mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu.

c. Điều chỉnh tỷ lệ để lại, nộp ngân sách nhà nước của phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu.

d. Bãi bỏ các quy định liên quan đối với lệ phí đăng ký cư trú.

e. Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

(Gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; các Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 317/BC-STP ngày 27/02/2023; Công văn số 611/STC-QLG&CS ngày 03/3/2023 của Sở Tài chính báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; Các tài liệu khác liên quan (gửi bằng bản điện tử) gồm: Bản tổng

hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân kèm theo Công văn số 426/STC-QLG&CS ngày 16/02/2023 của Sở Tài chính; Tờ trình số 612/TTr-STC ngày 03/3/2023 của Sở Tài chính; Công văn tham gia góp ý dự thảo Nghị quyết của các cơ quan, đơn vị liên quan).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TCTM (...).

**Sở Tài chính trình ký:
GIÁM ĐỐC**



Lê Thị Thanh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/2023/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng ... năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngàytháng....năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 1 như sau:

“a) Phí thăm quan di tích lịch sử:

- Giảm 50% mức phí thăm quan di tích lịch sử đối với các trường hợp sau:

+ Người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”, trường hợp khó xác định thì chỉ cần có giấy xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú;

+ Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

+ Người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội;

Đối với người thuộc diện hưởng cả hai hoặc ba trường hợp ưu đãi trên thì chỉ giảm 50% phí tham quan di tích lịch sử.

+ Trẻ em là người dưới 16 tuổi theo quy định tại Điều 1 Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016 của Quốc hội.

- Miễn phí thăm quan di tích lịch sử đối với các trường hợp:

+ Người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP.

+ Người có công với cách mạng.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 1 như sau:

“b) Phí thư viện:

- Giảm 50% mức phí thư viện đối với các trường hợp sau:

+ Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg, trường hợp khó xác định thì chỉ cần có giấy xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú;

+ Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP.

Trường hợp người vừa thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, vừa thuộc diện người khuyết tật nặng thì chỉ được giảm 50% mức phí thư viện;

- Miễn phí thư viện đối với các trường hợp:

+ Người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP.

+ Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng.

+ Trẻ em là người dưới 16 tuổi (theo quy định tại Điều 1 Luật Trẻ em của Quốc hội).”

c) Bổ sung điểm g vào khoản 4 Điều 1 như sau:

“g) Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu:

- Miễn thu phí đối với các trường hợp sau:

+ Phương tiện có tải trọng dưới 3,5 tấn của cư dân biên giới vận chuyển hàng là nông, lâm sản (có giấy tờ xác nhận là hàng hóa sản xuất của cư dân biên giới do cơ quan có thẩm quyền cấp).

+ Phương tiện chở hàng hóa quân sự, hàng viện trợ, cứu trợ thiên tai.

+ Phương tiện vận tải không có hàng hóa (xe không tải)”.

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung thu và mức thu tại mục II phần A Phụ lục I như sau:

Stt	Tên loại phí, lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu phí, lệ phí
II	Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu		
II.1	Phương tiện xuất, nhập khẩu		
1	Phương tiện vận tải ra, vào cửa khẩu Lao Bảo		
a)	Phương tiện vận tải chở gỗ các loại, quặng các loại có tải trọng thiết kế		
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn	Đồng/xe/lượt	200.000
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	Đồng/xe/lượt	300.000
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20 Feet	Đồng/xe/lượt	500.000
	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe Container 40 Feet	Đồng/xe/lượt	700.000
b)	Phương tiện vận tải chở thạch cao và các loại hàng hóa khác có tải trọng thiết kế		
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn	Đồng/xe/lượt	50.000
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	Đồng/xe/lượt	100.000
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20 Feet	Đồng/xe/lượt	200.000
	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe Container 40 feet	Đồng/xe/lượt	300.000
c)	Xe du lịch, xe vận tải hành khách có số chỗ ngồi		
	Từ 24 đến 30 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	50.000

Stt	Tên loại phí, lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu phí, lệ phí
	Từ 31 chỗ ngồi trở lên	Đồng/xe/lượt	100.000
2	Phương tiện vận tải ra, vào cửa khẩu La Lay		
a)	Phương tiện vận tải chở gỗ các loại, quặng các loại có tải trọng thiết kế		
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn	Đồng/xe/lượt	100.000
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	Đồng/xe/lượt	150.000
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20 Feet	Đồng/xe/lượt	250.000
	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40 Feet	Đồng/xe/lượt	350.000
b)	Phương tiện vận tải chở thạch cao và các loại hàng hóa khác có tải trọng thiết kế		
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn	Đồng/xe/lượt	25.000
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	Đồng/xe/lượt	50.000
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20 Feet	Đồng/xe/lượt	100.000
	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40 Feet	Đồng/xe/lượt	150.000
c)	Xe du lịch, xe vận chuyển hành khách có số chỗ ngồi		
	Từ 24 đến 30 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	25.000
	Từ 31 chỗ ngồi trở lên	Đồng/xe/lượt	50.000
II.2	Phương tiện chở hàng tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng, chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan		
1	Phương tiện vận tải ra, vào cửa khẩu Lao Bảo		
a)	Phương tiện vận tải chở gỗ các loại, quặng các loại có tải trọng thiết kế		
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn	Đồng/xe/lượt	200.000
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	Đồng/xe/lượt	300.000
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20 Feet	Đồng/xe/lượt	600.000
	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe Container 40 Feet	Đồng/xe/lượt	900.000
b)	Phương tiện vận tải chở thạch cao và các loại hàng hóa khác có tải trọng thiết kế		
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn	Đồng/xe/lượt	100.000
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	Đồng/xe/lượt	200.000
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến	Đồng/xe/lượt	400.000

Stt	Tên loại phí, lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu phí, lệ phí
	dưới 20 tấn, xe container 20 Feet Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe Container 40 feet	Đồng/xe/lượt	600.000
2	Phương tiện vận tải ra, vào cửa khẩu La Lay		
a)	Phương tiện vận tải chở gỗ các loại, quặng các loại có tải trọng thiết kế		
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn	Đồng/xe/lượt	100.000
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	Đồng/xe/lượt	150.000
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20 Feet	Đồng/xe/lượt	300.000
	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40 Feet	Đồng/xe/lượt	450.000
b)	Phương tiện vận tải chở thạch cao và các loại hàng hóa khác có tải trọng thiết kế		
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn	Đồng/xe/lượt	50.000
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	Đồng/xe/lượt	100.000
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20 Feet	Đồng/xe/lượt	200.000
	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40 Feet	Đồng/xe/lượt	300.000

3. Sửa đổi quy định về tỷ lệ để lại của Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu tại mục II Phụ lục II như sau:

Stt	Khoản mục	Tỷ lệ % để lại cho đơn vị trên tổng số tiền thu được (%)	Tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước (%)
II	Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu	40%	60%

Điều 2. Bãi bỏ các quy định về lệ phí đăng ký cư trú tại điểm d khoản 4 Điều 1, mục I phần B Phụ lục I.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ thông qua ngày .. tháng năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023./.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VB Bộ Tư pháp;;
- TVTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, Viện KSND tỉnh;
- VPTU, VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND Tp Đông Hà, TX Quảng Trị, huyện Đào Cồn Cỏ;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Thường trực HĐND các xã, thị trấn;
- ĐB HĐND tỉnh, CV VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Báo QT, TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

.....